TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm
Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân. Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐHPT- ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lang Thị T; Sinh năm 1996. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh T

2. Bị đơn: Anh Cao Bá N; Sinh năm 1992. Vắng mặt
Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh T
Hiện nay đã bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 25/2021/QĐST - DS ngày 20/5/2021

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là Lang Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Cao Bá N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 02 năm thì sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Tháng 7/2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh N đã bỏ đi đâu không xác định được địa chỉ. Chị T và gia đình, bạn bè

tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của anh N nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố anh Cao Bá N là người mất tích. Tại Quyết định số 25/2021/QĐST - DS ngày 20/5/2021của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố anh Cao Bá N là người mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố anh N là người mất tích đến nay anh N vẫn không trở về địa phương. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2018 đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Cao Bá N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Thị Hải Y, sinh ngày 16/01/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Nay chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điều 271; Điều 273; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51; Khoản 2 điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Xét xử vắng mặt Bị đơn; Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lang Thị T và anh Cao Bá N; Về con chung: Giao con chung là cháu Cao Thị Hải Y, sinh ngày 16/01/2016 cho chị Lang Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Cao Bá N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lang Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn là anh Cao Bá N có Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích là: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh T nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Cao Bá N đã bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố là người mất tích. Tòa án nhân dân huyện T đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lang Thị T và anh Cao Bá N là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Sau khi cưới anh chị chung sống được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7/2018 anh N đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N là người mất tích. Tại Quyết định số 25/2021/QĐST - DS ngày 20/5/2021 Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố anh Cao Bá N là người mất tích. Từ ngày Tòa án tuyên bố anh N là người mất tích đến nay anh N vẫn không có tin tức gì. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 2 điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử ly hôn giữa chị Lang Thị T và anh Cao Bá N là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Thị Hải Y, sinh ngày 16/01/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Nay chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy kể từ ngày anh N bỏ đi, chị T đã nuôi dưỡng con chung có cuộc sống và học tập ổn định. Hiện tại chị T có công việc ổn định, thu nhập bình quân từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ đủ điều kiện để nuôi con chung. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh N không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3] . Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn là anh Cao Bá N.

Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 2 điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử ly hôn giữa Chị Lang Thị T và anh Cao Bá N.

Về con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung là cháu Cao Thị Hải Y, sinh ngày 16/01/2016 cho chị Lang Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Cao Bá N không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Cao Bá N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Lang Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0014119 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án huyện T.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lang Thị T được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Cao Bá N được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện T
- VKSND tỉnh T
- Phòng GĐKTNV Tòa án ND tỉnh T
- Các ĐS
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng